

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU MỚI TẠI KHU DI TÍCH ÓC EO - BA THÊ (AN GIANG)

NGUYỄN KHÁNH TRUNG KIÊN*

Trong giai đoạn từ năm 2017 - 2020, với hợp phần được giao thuộc Đề án cấp Nhà nước “*Nghiên cứu khu di tích Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa (văn hóa Óc Eo Nam Bộ)*”, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ đã tiến hành khai quật tại các khu di tích ở sườn núi Ba Thê và cánh đồng Óc Eo như: Gò Sáu Thuận, Gò Giồng Cát (khu A), Lung Lớn (khu A - khu B) và Gò Út Trạnh. Bên cạnh công việc khai quật khảo cổ học, hợp phần cũng hợp tác với đồng nghiệp nước ngoài triển khai các hướng nghiên cứu đặc thù, dựa trên các phương pháp xử lý và phân tích hiện đại để bổ sung tư liệu phục vụ nghiên cứu.

Bài viết này nhằm giới thiệu kết quả khai quật và nghiên cứu được tiến hành trong giai đoạn 2017 - 2019 do Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ thực hiện và đồng thời góp phần nhận diện một số giá trị di sản khu di tích Óc Eo - Ba Thê qua tư liệu mới.

1. Kết quả khai quật khảo cổ học

Qua khai quật và nghiên cứu các di tích khảo cổ phân bố trên khu vực sườn núi Ba Thê và cánh đồng Óc Eo đã cho thấy các loại hình di tích sau đây: Cư trú (Lung Lớn), cư trú - kiến trúc tôn giáo (Gò Sáu Thuận, Gò Giồng Cát) và kiến trúc tôn giáo (Gò Út Trạnh). Dưới đây là các kết quả nghiên cứu bước đầu sau quá trình khai quật, được ghi nhận tại thực địa để góp phần bổ sung những nhận thức mới về khu di tích khảo cổ quan trọng này.

1.1. Di tích Gò Sáu Thuận

Khu vực Gò Sáu Thuận nằm ở chân núi Ba Thê, về phía đông chùa Linh Sơn, qua các cuộc khảo sát trước đây cho thấy xuất lộ nhiều gạch cổ và một số gò đất khả năng là phế tích kiến trúc bên dưới (Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải 1995). Di tích Gò Sáu Thuận còn có tên gọi khác là Gò Cây Me 1 trong một số công bố trước đây, từng được khai quật với diện tích 55m² vào năm 2001 trong chương trình hợp tác giữa Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ và Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO) do Eric Bourdonneau phụ trách khai quật. Qua kết quả cuộc khai quật nói trên, các nhà nghiên cứu đã nhận định di tích này có nhiều giai đoạn phát triển, các kiến trúc gạch - đá tìm thấy có xu hướng lan xa về phía nam và có khả năng liên quan đến chức năng của một “khu vực cổng” do vị trí nằm đồng trục phía chính diện chùa Linh Sơn hiện nay (Manguin P.Y 2001).

* Trung tâm Khảo cổ học (Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ)

Từ năm 2017 đến 2019, tại di tích Gò Sáu Thuận có 10 hố khai quật được mở với tổng diện tích khoảng 3.500m², kết quả khai quật và nghiên cứu đã cho thấy khu vực Gò Sáu Thuận từng trải qua nhiều giai đoạn phát triển với các tính chất văn hóa khác nhau:

- **Giai đoạn cư trú** (thế kỷ II - VI): Tại Gò Sáu Thuận, bên cạnh các hố khai quật có liên quan đến kiến trúc đã được dừng lại ở mặt bằng xuất lộ lớp nền móng cuối cùng, còn có hai hố khai quật H5 và H6 cùng một số hố thám sát được mở tại nhiều vị trí để cắt sâu hơn nhằm kiểm tra kết cấu tầng văn hóa của di tích cư trú bên dưới. Ở các vị trí khai quật và kiểm tra nói trên đã phát hiện bên dưới lớp di tích kiến trúc hiện hữu còn có sự tồn tại của một giai đoạn cư trú của cư dân văn hóa Óc Eo với niên đại sớm hơn, xuất lộ ở độ sâu khoảng 0,5m cho đến hơn 2m so với mặt bằng nền móng các kiến trúc đã được làm xuất lộ. Sinh thổ ở khu vực này là tầng cát hạt to do nền đá gốc granite của chân núi Ba Thê bị phong hóa, bên trên nó là lớp sét màu xám xanh và cư dân cổ Óc Eo đã sinh sống ngay trên bề mặt này. Qua so sánh loại hình đồ gốm có thể xác định niên đại tương đối của giai đoạn cư trú tại Gò Sáu Thuận diễn ra trong khoảng thế kỷ II - VI. Ngoài ra, nằm cách Gò Sáu Thuận khoảng 100m về phía đông bắc là di tích Gò Tư Trâm, từng được khai quật nhiều lần, là một di tích cư trú của cư dân Óc Eo, có tầng văn hóa ổn định, với độ dày khoảng 3m, trải qua nhiều giai đoạn phát triển, bắt đầu từ thế kỷ I trước Công nguyên và kéo dài đến thế kỷ XI (Bùi Chí Hoàng 2018). Như vậy, qua kết quả khai quật mới đã góp phần phác họa không gian khu vực cư trú thuộc các giai đoạn Óc Eo sớm và Óc Eo phát triển chỉ diễn ra ở bậc thềm thấp trên lớp sét trầm tích ở phía đông chân núi Ba Thê, cách xa khoảng 200m so với khu kiến trúc tôn giáo. Tại đây, quá trình cư trú khoảng thế kỷ VI - VII không ghi nhận, có lẽ liên quan đến việc giữ khoảng cách nhất định giữa khu cư trú với các kiến trúc dạng công ở giai đoạn sớm gần đó. Cho đến thế kỷ VIII tại khu vực từng có di tích cư trú trước đây mới diễn ra hoạt động tái thiết khu vực công mới bằng việc xây dựng các kiến trúc giai đoạn muộn bên trên nền cát bồi tụ dày khoảng 0,5 đến 1,5m tùy địa hình phủ lên giai đoạn cư trú trước đó (thế kỷ II - VI).

- **Giai đoạn xây dựng kiến trúc**: Tại di tích Gò Sáu Thuận, kết quả khai quật làm xuất lộ nhiều đơn nguyên kiến trúc liên hoàn trong một quy hoạch tổng thể của một khu vực có chức năng là khu công (entrance) với ít nhất ba giai đoạn xây dựng chính, trong mỗi giai đoạn xây dựng có những lần tu sửa, gia cố khác nhau: **Giai đoạn sớm** (khoảng cuối thế kỷ VI - VII), **Giai đoạn chuyển tiếp** (khoảng thế kỷ VIII) và **Giai đoạn muộn** (khoảng thế kỷ IX - XII). Trật tự xây dựng các kiến trúc tại di tích này được nhận diện qua những điểm khác biệt về độ lệch hướng của trục quy hoạch tổng thể, vật liệu và kỹ thuật xây dựng. Đặc biệt, rõ nét nhất là sự thay đổi về hướng của trục quy hoạch các kiến trúc giữa giai đoạn sớm và giai đoạn chuyển tiếp trở về sau với góc lệch khoảng 5 độ (Hình 1).

* **Giai đoạn sớm** (thế kỷ VI - VII): Đặc trưng cơ bản của giai đoạn này là các kiến trúc kết cấu đơn giản, thấp, với bình đồ có dạng hình chữ nhật, tường xây khép kín không mở lối ra vào, với móng xây bằng đá được xếp ngay ngắn, đá có dạng hình khối với mặt trên và mặt hướng ra ngoài được cắt bằng phẳng, bên trên là tường gạch được xây dựng một cách quy chuẩn với gạch nguyên và có trang trí bằng cách xây giạt cấp trên tường và các bề góc nhẹ. Tường gạch mỏng, được xây với quy luật sắp xếp một viên dọc xen kẽ một viên ngang (kiến trúc KT6) hay hai viên dọc xen kẽ một viên ngang (kiến trúc KT7) ốp mặt ngoài, bên

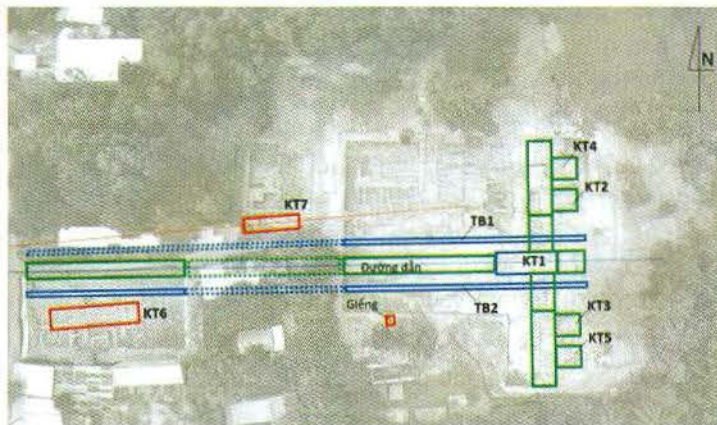
trong lòng kiến trúc được nện đất và cát sạch. Các kiến trúc thuộc giai đoạn sớm có trục quy hoạch lệch hướng với giai đoạn muộn khoảng 5^0 . Diên hình cho di tích thuộc giai đoạn sớm tại Gò Sáu Thuận là hai kiến trúc xuất lộ trong khu vực hố khai quật H4 (KT6) và H7 (KT7), tất cả đều đồng trục và cùng hướng về kiến trúc trung tâm nằm trên sườn núi Ba Thê (bên dưới nền móng chùa Linh Sơn hiện tại). Ngoài ra, tại hố H10 còn ghi nhận một kiến trúc xây bằng gạch, đồng hướng với các kiến trúc KT6 và KT7, có dạng hình vuông, kích thước 2,69m (đông - tây) x 2,49m (bắc - nam), sâu lòng 0,8m và nằm ở độ sâu khoảng 1,4m so với bề mặt các kiến trúc thuộc tổ hợp “cổng” thế kỷ VIII, được đào sâu xuống nền đất tự nhiên và dùng gạch xây giạt cấp để thu nhỏ dần về phía trung tâm kiến trúc. Trong lòng kiến trúc này tìm thấy các mảnh vỡ đồ gốm Ốc Eo có niên đại khoảng thế kỷ IV - VI, bên trên bề mặt bị phủ một lớp đất màu đen, dày khoảng 0,2m, có chứa các mảnh vỡ đồ gốm niên đại khoảng thế kỷ VI - VII. Từ lớp này trở lên trên, với độ dày khoảng 1m là lớp đất pha cát có lẫn gạch vỡ, rồi đến bề mặt xây dựng các kiến trúc thế kỷ VIII trở đi. Khả năng kiến trúc này là một dạng “giếng”, để lấy nước sạch sử dụng trong các dịp thực hành nghi lễ tôn giáo.

Theo đánh giá bước đầu từ những người khai quật, khả năng hai kiến trúc KT6 và KT7 cùng với “giếng gạch” là tổ hợp mang chức năng của một khu cổng vào giai đoạn sớm? Tuy nhiên, không gian của khu vực cổng vào giai đoạn sớm không vươn xa về phía đông như ở giai đoạn muộn và vẫn chưa tìm thấy đường dẫn của giai đoạn này (nếu có) tương tự như đã tìm thấy ở giai đoạn muộn do các vị trí giả định này đang bị nhà của một số hộ dân xây dựng bên trên. Qua so sánh trên không gian rộng hơn, trục xây dựng kiến trúc giai đoạn sớm trùng hướng với kiến trúc Linh Sơn Nam, có niên đại lớp kiến trúc (giai đoạn 2) khoảng giữa thế kỷ VII (Manguin P. Y 1998, Bùi Chí Hoàng 2018).

* **Giai đoạn chuyển tiếp** (thế kỷ VIII): Khi các kiến trúc giai đoạn sớm (thế kỷ VI - VII) nói trên vì lý do nào đó đã bị hư hỏng các đoạn tường hay sạt đổ một số góc. Tại đây, vào giai đoạn này bắt đầu diễn ra việc tái thiết khu vực cổng bằng việc xây dựng mới một hệ thống kiến trúc dạng cổng có phạm vi vươn xa hơn về phía đông so với giai đoạn sớm với một kiến trúc nằm ở trục trung tâm (KT1 với độ lệch 5^0 so với trục giai đoạn sớm), hai bên kiến trúc này là hai tường bao thấp (ký hiệu TB1 và TB2), rộng 1m, song song và cách nhau khoảng 8,8m, có móng đá, bên trên xây bằng gạch, hướng thẳng vào kiến trúc trung tâm trên sườn núi Linh Sơn. Với mô hình trên, kiến trúc KT1 và hai đường tường bao thấp cũng có chức năng của một khu cổng với sự kế thừa về mặt mô hình cổng đã có ở giai đoạn sớm (cuối thế kỷ VI - VII) thể hiện qua mặt bằng kiến trúc đơn giản, với cấu trúc móng đá và nhiều gạch xây bên trên, tạo thành một kết cấu dạng “nhà dài”, khép kín và không có lối ra vào (Hình 2). Qua trao đổi ý kiến với một số chuyên gia và so sánh với các kiến trúc cổ ở Đông Nam Á, Giáo sư Ueno Kunikazu (Đại học Waseda - Nhật Bản) đã cho rằng khả năng các kiến trúc này có các bậc cấp “đi động” được làm bằng gỗ và chỉ sử dụng trong những dịp lễ quan trọng, sau mỗi dịp đó sẽ được cất đi. Bình đồ kiến trúc đơn giản và hiện tượng không có lối ra vào trong các kiến trúc giai đoạn này chính là sự kế thừa rõ nét trong truyền thống xây dựng giữa **giai đoạn chuyển tiếp** (thế kỷ VIII) và **giai đoạn sớm** (thế kỷ VI - VII). Điểm khác biệt của giai đoạn chuyển tiếp chính là việc mở rộng không gian vươn xa hơn về phía đông và chuyển đổi trục quy hoạch của khu vực cổng.

* **Giai đoạn muộn** (thế kỷ IX - XII): Được nhận diện với các kiến trúc khu vực phía đông của di tích Gò Sáu Thuận bao gồm 5 đơn nguyên kiến trúc chính (trong đó có KT1 đã được xây dựng ở giai đoạn chuyển tiếp và được tiếp tục sửa chữa và sử dụng), được xây bằng gạch - đá kết hợp để tạo một không gian kiến trúc liên hoàn với chức năng của một khu công để những người hành lễ đi qua và tiến vào đường dẫn đi vào ngôi đền chính nằm trên sườn núi Ba Thê. Năm đơn nguyên kiến trúc này chính là những “nhóm bộ ba” cấu trúc thành khu công, được xây dựng và tu bổ trải qua nhiều giai đoạn.

Bắt đầu từ thế kỷ IX trở đi, khu vực công vẫn kế thừa trực quy hoạch giai đoạn chuyển tiếp nhưng được tiếp tục mở rộng không gian về hai phía theo trục bắc - nam và có sự chuyển đổi mô hình căn bản từ một mô hình có bình đồ kiến trúc đơn giản dạng “nhà dài” truyền thống sang mô hình công tạo bởi các “nhóm bộ ba”, đây là một yếu tố mới và mang tính khác biệt khi so sánh với truyền thống xây dựng kiến trúc cổ mặt bằng hình chữ nhật đơn giản đã tồn tại ở khu di tích này trước đó từ thế kỷ VII (Hình 1).



Hình 1. Bình đồ các giai đoạn xây dựng kiến trúc Gò Sáu Thuận
(Nguồn: Tác giả)

Vào giai đoạn muộn, hai tường bao ở hai bên kiến trúc KT1 (TB1 và TB2) đã bị lấp và kiến trúc KT1 tiếp tục được xây mở rộng thêm về phía đông (hiện đã bị phá hủy trong thời hiện đại nên không rõ phạm vi mở rộng) đồng thời từ KT1 tiếp tục được mở rộng thêm với sự xuất hiện của hai cấu trúc đồng dạng ở phía bắc và phía nam (KT4 và KT5) để hình thành nên khu công theo dạng “nhóm bộ ba” đầu tiên (Hình 1). Các kiến trúc KT4 và KT5 được xây bằng gạch trên lớp móng đá (tương tự như kiến trúc KT1), có lối ra vào được tận dụng từ một phiến đá bậc cửa bị vỡ, có lỗ mộng để lắp ghép khung cửa. Phiến đá bậc cửa này khả năng thuộc về một kiến trúc của giai đoạn sớm hơn (khoảng thế kỷ VI - VII), bị hư hỏng vì lý do nào đó và được mang về để tái sử dụng cùng với các viên gạch vỡ. Có lẽ chính vì kết cấu thiếu ổn định do hiện tượng tận dụng gạch vỡ và nhiều loại vật liệu không đồng bộ đã khiến hai kiến trúc KT4 và KT5 không bền vững lâu dài, dễ bị sạt đổ vùi lấp và phế bỏ chức năng sau đó. Đồng thời nơi kiến trúc KT1 cũng bị sạt đổ phần tường phía tây, chỉ còn lại lớp móng đá bên dưới.

Để duy trì chức năng của một khu công như trước đây, cư dân cổ đã tiếp tục xây dựng bổ sung thêm hai kiến trúc khác (KT2 và KT3) bằng gạch và cũng có hiện tượng tái sử dụng gạch vỡ, không có lớp móng đá như ở giai đoạn sớm (được xây trực tiếp ngay trên mặt đất tự nhiên), chèn vào giữa không gian giới hạn bởi các cặp kiến trúc KT1-KT4 và KT1-KT5 (Hình 1).

Như vậy, khu vực công giai đoạn này có xu hướng thu hẹp quy mô không gian theo trục bắc - nam (tương tự hiện tượng ghi nhận trong hồ khai quật ở khu vực ngoại vi Linh Sơn Tự trong năm 2017 do Viện Khảo cổ học thực hiện).

Đồng thời, ở phía tây của nhóm các kiến trúc này được xây nối vào vách tây KT1 (tường gạch đã bị sạt đổ khi đó, chỉ còn lớp móng đá dưới cùng) là một hệ thống đường dẫn được xây bằng kỹ thuật kê gạch - đá hai bên và nền đất sạch ở giữa để nâng cao bề mặt đường dẫn, ngoài ra, bên trong lòng KT1 cũng được nền đất tương tự như trong lòng đường dẫn và khả năng người xưa bước trên mặt bằng này để tiến vào hành lễ nơi kiến trúc trung tâm trên sườn núi Ba Thê (Hình 1).

Đường dẫn được xây dựng đồng trục với kiến trúc KT1 và thẳng hướng, kéo dài khoảng 200m dẫn vào kiến trúc trung tâm nằm trên sườn núi Ba Thê (bên dưới chùa Linh Sơn hiện đại). Ở hai phía bắc và nam của đường dẫn nói trên là các kiến trúc có chức năng phụ trợ và nhiều đường thoát nước tương tự như phát hiện ở Linh Sơn Nam. Các kiến trúc này được xây bằng vật liệu gạch - đá kết hợp, thấp và không có tường bao với nhiều giai đoạn xây dựng và sửa chữa trùng tu khác nhau ngay trong thời cổ đại, khả năng diễn ra trong một quá trình kéo dài từ khoảng sau thế kỷ IX đến thế kỷ XI - XII.

1.2. Di tích Gò Út Trạnh

Di tích kiến trúc Gò Út Trạnh vào năm 2012 đã được khai quật phần phía đông và đã làm xuất lộ ba kiến trúc được xây thẳng hàng theo trục bắc - nam, có cùng kích thước, xây bằng gạch - đá kết hợp cùng hệ thống tường bao xây bằng gạch nằm bên ngoài, lối ra vào của các kiến trúc này ở phía đông (Bùi Chí Hoàng 2012). Để nhận diện một cách đầy đủ hơn về nhóm kiến trúc này, khu vực khai quật trong phạm vi của Đề án này tiếp tục được mở rộng về phía tây của ba kiến trúc được xây bằng gạch - đá đã được khai quật một phần vào năm 2012.



Hình 2. Kiến trúc công - di tích Gò Sáu Thuận nhìn từ phía đông
(Nguồn: Tác giả)

Kết quả cuộc khai quật trong năm 2019 đã tiếp tục làm xuất lộ một phần các kiến trúc cũ cùng với hệ thống tường bao và sàn gạch nằm ở phía tây của kiến trúc Gò Út Trạnh. Mặt bằng kiến trúc xuất lộ nơi đây cho thấy chúng đã trải qua nhiều lần xây dựng và sửa chữa bằng các loại vật liệu khác nhau, được xác định là các kiến trúc lộ thiên, không có mái che. Niên đại các kiến trúc được xác định khoảng thế kỷ VI - VII (kiến trúc đá và sàn) và một giai đoạn muộn hơn, khoảng thế kỷ VIII - IX với các kết cấu xây dựng ở ngoại vi, trong quá trình tồn tại, kiến trúc nơi đây được sửa chữa, thay đổi một số kết cấu vào giai đoạn về sau như bổ sung các kết cấu gạch dạng tiền sảnh ở phía đông và hệ thống tường bao.

1.3. Di tích Gò Giồng Cát

Tại Gò Giồng Cát (khu A), ở trung tâm gò kết quả khai quật đã làm xuất lộ một kiến trúc lớn được xây bằng đá, nhưng đã bị phá hủy nghiêm trọng ở cấu trúc trung tâm. Khu vực xung quanh kiến trúc đá được xử lý cho thấy có một nền đất sét màu xám vàng, bằng phẳng với các vết tích lỗ cột được dựng theo hàng và cách đều nhau, khả năng là kết cấu gỗ được dựng ở tiền sảnh của kiến trúc đá hay chúng là những kiến trúc gỗ của di tích cư trú giai đoạn sớm. Trên bề mặt lớp đất sét này có những khu vực tập trung nhiều đồ gốm, khả năng là nơi tiến hành các nghi lễ tôn giáo. Tại lớp đá xáo trộn ở khu vực H1 tìm thấy một mảnh tay tượng thần Visnu bằng đá đang cầm bánh xe, có khả năng liên quan đến kiến trúc đá.

Ở hố khai quật H2 tìm thấy một kiến trúc được xây bằng gạch, có dạng hình vuông, kích thước mỗi chiều khoảng 2m, được đào sâu hơn bề mặt của nền đất sét tự nhiên (sinh thổ) khoảng 2m, bên dưới ở nơi lớp sâu nhất là các khối đá kê bên ngoài, bên trong là các thanh gỗ được đóng theo phương thẳng đứng và bên trên chúng là các thanh gỗ xếp nằm ngang tạo thành một khung hình vuông, tiếp theo bên trên khung gỗ vuông này là khối xây bằng nhiều lớp gạch, cao đến bề mặt nguyên thủy của gò (Hình 3). Trong quá trình khai quật, nước ngầm liên tục dâng trong lòng kiến trúc này và rất trong so với nước các khu vực khác. Qua trao đổi ý kiến với một số nhà nghiên cứu, khả năng đây là một giếng nước mang tính chất “thiên nhiên”, là nguồn cung cấp nước trong các dịp tiến hành nghi lễ tôn giáo nơi đây.



Hình 3. Kiến trúc “giếng” - di tích Gò Giồng Cát
(Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học)

Hố khai quật H3 đã làm xuất lộ một kiến trúc dạng “giếng” được đào cắt sâu xuống sinh thổ, xây dạng hình tròn, dưới cùng là tầng gỗ, bên trên được kê đá và trên cùng là các lớp gạch xây. Giếng này đã được Bảo tàng An Giang phát hiện vào năm 1984 và sau đó đã bị người dân địa phương lấy gạch khiến hiện trạng bị phá hủy nghiêm trọng ở các lớp bên trên, hiện tại chỉ còn lại 3 lớp gạch và kết cấu gỗ - đá bên dưới. Giếng tròn này được cho là nơi cấp nước cho các hoạt động liên quan đến nghi lễ tôn giáo hơn là nguồn nước cho cộng đồng cư trú ven bờ Lung Lớn trong giai đoạn Óc Eo. Để có thể xác định chính xác niên đại của các kiến trúc dạng giếng ở Gò Giồng Cát, hiện nay một số mẫu gỗ trong lớp móng gỗ dưới cùng được lấy để tiến hành phân tích niên đại bằng phương pháp AMS và sẽ công bố trong thời gian sắp tới.

Nhìn chung, trên khu vực Gò Giồng Cát với các hố khai quật đang tiến hành cho thấy đây là một địa điểm có địa hình cao, được cư dân cổ Óc Eo xây dựng nhiều kiến trúc mang yếu tố tôn giáo với các vật liệu xây dựng bằng gạch - đá và gỗ kết hợp, các di tích đã xuất lộ qua phân tích sơ bộ có niên đại tương đối trong khoảng thế kỷ IV - VI.

1.4. Di tích Lung Lớn

Di tích Lung Lớn (còn có tên gọi Lung Giếng Đá) là một dòng kênh cổ được các nhà nghiên cứu cho rằng có chức năng của một đường giao thông thủy kết nối đô thị cổ Óc Eo - Ba Thê và di tích Nền Chùa nằm cách đó khoảng 15km về phía tây nam (thuộc địa phận Kiên Giang, nằm về phía biển), đồng thời ven hai bờ kênh này cũng là nơi cư trú của cộng đồng cư dân cổ Óc Eo. Hiện nay, dòng kênh này đã bị san lấp và mất dấu vết trên hiện trường do quá trình canh tác nông nghiệp từ vài thập niên trước.

Năm 2002, trong chương trình hợp tác Việt - Pháp đã tiến hành khai quật cắt ngang Lung Lớn ở đoạn nằm giữa Gò Giồng Cát và Gò Giồng Trôm, đã xác định Lung Lớn rộng nhưng không sâu, mức nước chỉ khoảng 0,5m. Tại đó, qua phân tích niên đại ^{14}C trên các mẫu cột gỗ nhà sàn (250 - 540 cal. AD và 340 - 600 cal. AD) và mái chèo (210 - 340 cal. AD) tìm thấy ở đáy kênh, nhóm nghiên cứu đã xác định chức năng của Lung Lớn chính là một đường giao thông thủy có khung niên đại khoảng giữa thế kỷ III đến cuối thế kỷ VI (Manguin P.Y 2002). Một số nghiên cứu địa chất học trong chương trình này đã chỉ ra rằng lòng kênh Lung Lớn ở độ sâu -246cm so với mặt đất hiện tại, bị bồi lấp và cạn dòng cách nay khoảng 14 thế kỷ (Lê Xuân Thuyên 2005).



Hình 4. Đáy kênh cổ Lung Lớn sau khi khai quật
(Nguồn: Tác giả)

Trong hai năm 2018 - 2019, có 14 hố khai quật đã được mở tại hai khu vực: khu A (gần Gò Óc Eo) và khu B (gần Gò Giồng Cát) phân bố với các vị trí nằm cắt ngang kênh hoặc dọc theo bờ kênh cổ với mục đích nghiên cứu đặc điểm của dòng kênh (độ rộng, độ sâu và tính chất cư trú). Tại Lung Lớn khu A đã mở 8 hố khai quật, tại Lung Lớn khu B đã khai quật 6 hố và kết hợp khảo sát bằng phương pháp điện từ (EM) do Viện Địa lý Tài nguyên Tp. Hồ Chí Minh thực hiện với 6 lát cắt ngang tại khu vực Lung Lớn ở hai khu A và khu B đã cho thấy dòng kênh cổ này có độ rộng trung bình khoảng 30 - 35m, sâu khoảng 1,0 - 1,5m, hai bên bờ là khu vực cư trú cổ, khả năng cư dân Óc Eo giai đoạn này sinh sống trên các nhà sàn cột gỗ (Hình 4).

Tầng văn hóa ở các hố khai quật khu vực Lung Lớn (khu A) tích tụ rất nhiều mảnh vỡ của đồ gốm, nhiều vật dụng sinh hoạt cổ bằng đá, kim loại và gỗ cùng rất nhiều xương động vật và tàn tích thực vật với niên đại tương đối được xác định trong thời gian kéo dài từ khoảng thế

kỳ III - VI. Ngoài vết tích của quá trình cư trú (đồ gốm, đồ gỗ, xương động vật, hạt thực vật) còn tìm thấy rất nhiều hạt chuỗi thủy tinh (*Indo-Pacific glass bead*) với mật độ dày đặc, chủ yếu tập trung ven bờ lung, nhiều khả năng khu vực này chính là điểm tập kết của loại hình hạt chuỗi thủy tinh trước khi được mang đi mua bán - trao đổi với những vùng khác qua hệ thống thủy lộ mà Lung Lớn có vai trò chủ đạo (Hình 5).



Hình 5. Đồ trang sức tại di tích kênh cổ Lung Lớn

(Nguồn: Tác giả)

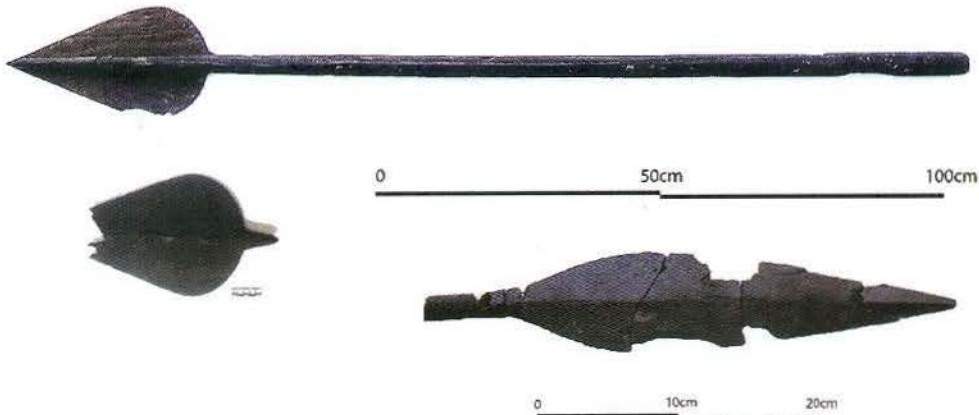
Ở khu vực Lung Lớn (khu B) qua các hố khai quật đã làm xuất lộ rõ bờ kênh và phân tiếp giáp với lòng kênh, trong một số hố khai quật đã làm xuất lộ nhiều cọc gỗ nằm thẳng hàng ven bờ lung và một số kết cấu gỗ bị sụp đổ và nằm nguyên trạng, khả năng đây là khung nhà hay một kết cấu nào đó được dựng bằng các cột gỗ tròn với kỹ thuật ghép nối bằng các lỗ mộng (Hình 6). Trong hố khai quật H5, ở đáy kênh tìm thấy ba chiếc mái chèo còn nguyên vẹn, trong đó có một chiếc còn nguyên phần cán chèo dài 1,6m, phần mái chèo có bản rộng, dáng hình lá nhọn, qua nghiên cứu so sánh bước đầu cho thấy chúng tương tự mái chèo của cư dân Malayo-Polynesian sử dụng (Hình 7). Qua kết quả phân tích sơ bộ các mảnh gốm và tổ hợp hiện vật với nhiều chất liệu đã cho thấy niên đại của lớp cư trú nơi đây vào khoảng thế kỷ II - VI.



Hình 6. Cột gỗ với mộng ghép - di tích Lung Lớn

(Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học)

Các phát hiện trong tầng văn hóa cùng với một số hiện vật khả năng nguồn gốc trao đổi từ bên ngoài được tìm thấy tại di tích Lung Lớn cho thấy dòng kênh này chính là một thủy lộ quan trọng kết nối với vùng cận biển (di tích Nền Chùa - Kiên Giang ngày nay) và từ đó vươn ra thế giới bên ngoài qua hoạt động thương mại trên biển đến những vùng khác xa hơn như: Tây Á, La Mã, Ấn Độ, khu vực Đông Nam Á (lục địa và hải đảo) và Trung Quốc cổ đại.



Hình 7. Mũi chèo tìm thấy tại Lung Lớn trong cuộc khai quật năm 2002 và 2019
(Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học)

2. Các kết quả nghiên cứu liên ngành được áp dụng tại khu di tích Óc Eo - Ba Thê

Bên cạnh công việc khai quật khảo cổ học, việc thu thập các loại mẫu phân tích để nghiên cứu chuyên sâu và vi tư liệu với nhiều phương pháp và chuyên ngành khác nhau góp phần nghiên cứu cổ môi trường ở “đô thị cổ Óc Eo” và phục hồi diện mạo di tích khảo cổ Óc Eo cũng được chú trọng với sự phối hợp với một số chuyên gia, các nhóm nghiên cứu quốc tế từ Nhật Bản và Úc để xử lý một số vấn đề khoa học liên quan đến di tích, di vật.

- Các nghiên cứu về địa chất: Được tiến hành qua phân tích các lõi khoan địa chất bằng phương pháp khoan tay (*hand auger*) ở khu vực Lung Lớn (khu B - vị trí mẫu nằm giữa Gò Giồng Cát và Gò Giồng Trôm), đã cho thấy đáy lung cổ nằm ở độ sâu khoảng 1,5 - 2,5m so với bề mặt ruộng hiện tại. Tại các hai khu Lung Lớn A và B, các cuộc khảo sát và thu thập mẫu đã được thực hiện và đang tiến hành phân tích, trong thời gian sắp tới qua mẫu phân tích đồng than tìm thấy trong lõi khoan địa chất bằng phương pháp AMS sẽ góp phần quan trọng trong việc lý giải niên đại vận hành của dòng kênh này.

- Các phân tích thành phần nguyên liệu hạt chuỗi thủy tinh: Trong năm 2018, có 48 mẫu hạt chuỗi thủy tinh với nhiều màu sắc đại diện cho sưu tập hạt chuỗi Lung Lớn được phân tích bằng phương pháp XRF (*X-Ray Fluorescence*) do Viện Nghiên cứu Di sản Văn hóa Quốc gia - Nara (Nhật Bản) thực hiện và so sánh với cơ sở dữ liệu được thu thập ở nhiều vùng trên thế giới mà Viện nghiên cứu này đang quản lý. Kết quả phân tích nhóm mẫu này do Tamura Tomomi và Oga Katsuhiko thực hiện cho thấy hầu hết các hạt chuỗi thủy tinh ở Lung Lớn đều thuộc nhóm SIIB và có 2 mẫu khả năng thuộc nhóm SIII. Nhóm SIIB vốn có thành phần nguyên liệu đa dạng với nhiều loại nguyên tố kim loại được pha vào để tạo ra các màu

sắc khác nhau của hạt chuỗi. Hạt chuỗi nhóm SIIB được tìm thấy phổ biến ở các di tích khảo cổ trong khu vực Nam Ấn Độ và Đông Nam Á với niên đại xuất hiện trong khoảng thế kỷ IV - VII. Ngoài ra, còn một mẫu khả năng thuộc nhóm SIII, có phạm vi phân bố ở khu vực Trung Á và Tây Á cũng có cùng niên đại với nhóm SIIB.

Có thể thấy rằng kết quả phân tích bằng phương pháp XRF đã gợi mở tiềm năng nghiên cứu về hạt chuỗi thủy tinh và sự lan tỏa của chúng thông qua hoạt động thương mại thời cổ đại mà Óc Eo - Ba Thê được nhiều nhà nghiên cứu xem như một dạng cảng thị cổ đại với vị trí chiến lược thời bấy giờ trên các tuyến đường hàng hải Đông - Tây. Phải chăng những hạt chuỗi thủy tinh nhiều sắc màu rực rỡ vốn đã được trao đổi - mua bán như một dạng hàng hóa cao cấp (từ trước đó khoảng 500 năm) chính là một sản phẩm quan trọng trong hoạt động thương mại nơi đây khi kết quả khai quật khảo cổ học tìm thấy số lượng rất lớn tại di tích Gò Óc Eo và dòng kênh cổ Lung Lớn cạnh đó.

- Kết quả phân tích thành phần tinh bột bám trên các loại dụng cụ nghiên cứu: Qua phân tích các hạt bột bám trên bề mặt của 20 hiện vật thuộc loại hình dụng cụ nghiên cứu (Pesani, chày và cối), nhóm nghiên cứu do Hsiao-chun Hung và Weiwei Wang (Đại học Quốc gia Úc) thực hiện đã trích xuất được 1.076 hạt tinh bột của ít nhất 12 loài thực vật qua so sánh với mẫu tham chiếu. Nhiều loại tinh bột được thu thập từ các dụng cụ nghiên cứu, chỉ ra rằng cư dân cổ Óc Eo từng sử dụng nhiều loại thực vật khác nhau trong đời sống thường nhật, phần lớn từ các loại cây cho rễ và củ, đặc biệt là họ gừng và khoai môn. Ngoài ra, tinh bột của Đinh hương cũng được tìm thấy trên cùng loại dụng cụ bằng đá sử dụng để chế biến nghệ và gừng cát (Weiwei Wang, Hsiao-chun Hung, Nguyễn Khánh Trung Kiên 2019). Đinh hương là một loại gia vị quý có nguồn gốc từ các đảo Maluku (Molucas) ở phía đông Indonesia, loại gia vị này đã từng được sử dụng ở cả Ấn Độ và Trung Quốc thời cổ đại để làm hương liệu, thuốc và gia vị cho thực phẩm. Đó cũng là loại gia vị quý, được giao dịch sớm nhất trong thế giới cổ đại. Phát hiện này cho thấy khả năng ở khu di tích Óc Eo - Ba Thê cư dân cổ nơi đây đã sớm sử dụng các loại gia vị được “nhập khẩu” từ Đông Nam Á hải đảo hay chúng chính là một trong những sản phẩm thương mại được chế biến tại cảng thị cổ Óc Eo và từ đây tiếp tục buôn bán đi nhiều nơi khác?

Qua kết quả phân tích cho thấy nghệ, gừng cát và đinh hương chủ yếu được tìm thấy trên cùng một loại hình công cụ chế biến (bàn nghiền - pesani) và những dụng cụ này cũng là một loại hình hiện vật đặc biệt, mang tính thống nhất về kiểu dáng, bắt đầu xuất hiện cùng với sự phổ biến của văn hóa Ấn Độ. Qua tư liệu bước đầu có thể tạm giả định rằng các dụng cụ nghiên cứu bằng đá ở Óc Eo - Ba Thê cũng có chức năng chế biến bột gia vị, được liệu được sử dụng trong đời sống của cư dân cổ. Ngoài ra, vẫn còn nhiều loại hạt tinh bột chưa thể xác định được với cơ sở dữ liệu hiện có và nhiều loại trong số chúng cho thấy hình thái tinh bột khác biệt mà ngày nay không được sử dụng, cho thấy khả năng cư dân cổ Óc Eo còn sử dụng nhiều loại cây truyền thống để làm gia vị trong đời sống.

3. Nhận diện giá trị di sản khu di tích Óc Eo - Ba Thê

Sau hơn hai năm khai quật và nghiên cứu, với những phát hiện mới đã có thể góp phần nhận diện một cách rõ nét hơn về không gian của khu di tích Óc Eo - Ba Thê với các

kiến trúc tôn giáo phân bố trong một quy hoạch tổng thể trên khu vực sườn và chân núi Ba Thê cùng với các điểm cư trú - kiến trúc tôn giáo trên cánh đồng Óc Eo nằm ven bờ Lung Lớn, Gò Giồng Cát và Gò Óc Eo.

Các cuộc khai quật tại Gò Sáu Thuận cùng với ngoại vi chùa Linh Sơn, Linh Sơn Bắc và Linh Sơn Nam đã góp phần đem lại nhận thức mới so với trước đây về không gian tổng thể của vùng lõi khu di tích kiến trúc tôn giáo trên sườn núi Ba Thê. Ở khu vực núi Ba Thê, qua những gì xuất lộ từ kết quả khai quật đã có thể xác lập quy mô của vùng lõi di tích với trung tâm là chùa Linh Sơn và tỏa ra hai bên sườn là nhóm kiến trúc Linh Sơn Bắc và Linh Sơn Nam, phía đông nơi Gò Sáu Thuận là hệ thống cổng và đường dẫn vào khu đền thờ trung tâm trên sườn núi. Nếu lấy chùa Linh Sơn làm trung tâm thì không gian này kéo dài theo trục đông - tây khoảng 250m và khoảng 200m theo trục bắc - nam trong đó hai kiến trúc Linh Sơn Nam và Linh Sơn Bắc qua phân tích bước đầu trong quá trình khai quật cho thấy khả năng chúng có cùng mô hình xây dựng.

Như đã nói trên, các kiến trúc xuất lộ tại di tích Gò Sáu Thuận cho thấy có hai giai đoạn xây dựng khác nhau về hướng quy hoạch với độ lệch khoảng 5^0 . Qua so sánh với các kiến trúc trên sườn núi Ba Thê, hướng của kiến trúc giai đoạn sớm tại Gò Sáu Thuận gần như đồng hướng với kiến trúc Linh Sơn Nam và Linh Sơn Bắc. Điều này gợi mở khả năng đồng đại giữa các di tích này và không gian của khu vực cổng giai đoạn thế kỷ VI - VII không vươn xa về phía đông như giai đoạn sau và chúng cũng đơn giản hơn về cấu trúc, quy mô cũng nhỏ hơn. Tuy nhiên, kỹ thuật xây dựng của giai đoạn sớm cũng tốt và mang tính quy chuẩn hơn với toàn bộ được xây bằng gạch nguyên, quy cách xây dựng cũng rất được chú trọng, ít thấy xảy ra hiện tượng trũng mạch trên tường gạch. Giai đoạn sau đó, các kiến trúc sớm này vì lý do nào đó bị hư hỏng, sạt đổ một số góc, các đoạn tường bị đổ sập, một số cấu kiện kiến trúc như cột đá, bậc cửa, bệ thờ bị đập vỡ.

Khoảng thế kỷ VIII trở đi, bắt đầu xuất hiện các kiến trúc bằng gạch - đá được tiếp tục xây dựng trên một không gian mở rộng và vươn xa hơn về phía đông để tạo dựng một khu cổng mới, với độ lệch trục so với giai đoạn sớm khoảng 5^0 . Nhóm kiến trúc giai đoạn tiếp nối này cũng trải qua nhiều lần xây dựng và sửa chữa trong khoảng vài trăm năm tồn tại sau đó. Hầu hết các kiến trúc nói trên có hiện tượng tái sử dụng gạch vỡ để xây dựng, một số viên gạch vỡ có trang trí hoa văn nằm lạc lõng, khả năng chúng được tận dụng, mang về và tái sử dụng từ những kiến trúc gạch hoàn chỉnh nhưng đã bị hư hỏng, có niên đại sớm hơn trong khu vực sườn núi Ba Thê (hay Linh Sơn)? Một số vị trí trong kiến trúc giai đoạn muộn có hiện tượng tái sử dụng những cấu kiện kiến trúc (bậc cửa, đầu cột bằng đá) hay vật thờ bằng đá (mảnh Yoni hay bệ thờ), đã bị đập vỡ, khả năng từ các kiến trúc giai đoạn sớm gần đó để mang về và tiếp tục tận dụng như vật liệu xây dựng, gia cố móng cho kiến trúc.

Điều này cho thấy khả năng ở khu vực núi Ba Thê khoảng thế kỷ VI - VII đã từng có những kiến trúc được xây bằng gạch, có trang trí trên gạch, tường được xây cao, với các cấu kiện bằng đá như bậc cửa, khung cửa, cột đá và cả vật thờ (bệ thờ hoặc Yoni). Sau đó, những kiến trúc này vì lý do nào đó bị hư hỏng, sạt đổ với các cấu kiện kiến trúc và vật thờ bằng đá bị đập vỡ, chúng trở thành phế tích từ thời bấy giờ và cư dân giai đoạn tiếp nối sau đó đã tận dụng một lượng lớn gạch vỡ được mang về từ các kiến trúc này để tái thiết diện mạo mới cho khu vực cổng được xây dựng vào khoảng thế kỷ IX - XII.

Ở khu vực cánh đồng Óc Eo, qua kết quả khai quật tại Lung Lớn, tính chất thương mại của “cảng thị cổ” Óc Eo đã dần dần được tái hiện và nhận diện qua từng mảnh ghép văn hóa với các bằng chứng khảo cổ, đặc biệt chúng thể hiện qua các hiện vật thu được trong tầng văn hóa các hố khai quật nơi đây. Tại khu Lung Lớn A, trong bình diện khai quật một số hố xuất hiện các lớp cát và trong đó qua sàng lọc đã tìm thấy rất nhiều hạt chuỗi thủy tinh nhiều màu sắc (*Indo-Pacific bead*) với mật độ dày đặc (thống kê sơ bộ khoảng gần 200.000 hạt). Qua phân tích chất liệu bằng phương pháp XRF (*X-Ray fluorescence*) cho thấy những mẫu hạt chuỗi này thuộc nhóm soda và có sự tương đồng với nhóm SIIB vốn rất phổ biến ở khu vực Nam Á và Đông Nam Á. Qua số lượng rất nhiều hạt chuỗi thủy tinh cùng với thủy tinh nguyên liệu và các loại phế phẩm được tìm thấy tại Lung Lớn A và Gò Óc Eo gần đó cho thấy nơi đây nhiều khả năng là một địa điểm tập kết các hạt chuỗi thành phẩm để từ đó tiến hành các hoạt động trao đổi hay mua bán. Vấn đề cần nghiên cứu trong thời gian tới chính là cảng thị cổ Óc Eo mà cụ thể là khu vực Gò Óc Eo là nơi diễn ra hoạt động sản xuất hạt chuỗi như một nghề sản xuất thủ công hay đây chỉ là nơi tiếp nhận sản phẩm từ nơi khác thông qua thủy lộ Lung Lớn để rồi từ đây tiếp tục diễn ra quá trình phân phối - mua bán - trao đổi sản phẩm như một điểm trung gian.

Ngoài ra, còn nhiều loại hình hiện vật khả năng đến từ hoạt động trao đổi hay thương mại với thế giới bên ngoài như đồ gốm, một số loại hình hạt chuỗi mạ vàng, tiền Ngũ Thủ, chìa khóa bằng đồng (tương tự hiện vật ở La Mã thế kỷ II - III). Qua so sánh đối chiếu một số loại hạt chuỗi đặc biệt tinh xảo làm bằng kỹ thuật khảm mảnh thủy tinh hay những hạt chuỗi hình cầu dính liền nhau được mạ vàng bên ngoài cho thấy tương tự những hiện vật có nguồn gốc Tây Á (Syria) hay La Mã. Một số mái chèo được làm bằng gỗ với phần tay chèo (cán mái chèo) còn nguyên vẹn được lắp vào mái chèo bằng kỹ thuật khoan lỗ và cột dây cho thấy có những nét tương tự về kiểu dáng, loại hình với những mái chèo của cư dân Đông Nam Á hải đảo cũng được tìm thấy bị chìm trong tầng văn hóa tương ứng đáy Lung Lớn thời bấy giờ. Bên cạnh những sản phẩm du nhập nói trên, đồ gốm bản địa cũng được tìm thấy với số lượng rất lớn với nhiều loại hình sản phẩm, vật dụng khác nhau, cho thấy quy mô dân số lớn và đời sống vật chất đầy đủ, phong phú của các cộng đồng cư dân cổ sinh sống tại “cảng thị” Óc Eo vào thời cổ đại.

Qua phân tích bước đầu với các loại hạt thực vật còn để lại trong tầng văn hóa các hố khai quật cho thấy tại đây cư dân cổ Óc Eo đã trồng lúa cùng với các loại bầu bí, đậu, cà na nhưng các loài thực vật bên trong khu cư trú không đa dạng, chủ yếu là các loại cây ăn quả. Ghi nhận bước đầu nói trên gợi mở khả năng liên quan đến tính chất của một làng mạc hay “đô thị” đã được người cổ Óc Eo “quy hoạch” với các không gian trồng cây lương thực và các loài cây hữu ích cho đời sống cộng đồng một cách có chủ đích. Bên cạnh đó, các di cốt động vật tìm thấy chủ yếu là các loài trâu bò (khả năng là nguồn cung cấp sức kéo cho nông nghiệp), lợn, chó nhà, mèo, voi, các loài cá, rùa và cá sấu. Trong thời gian tới, sau khi được các chuyên gia cổ động vật học tiến hành phân tích các mẫu thực vật và di cốt động vật chắc chắn sẽ đem lại những nhận thức mới hơn về đời sống cư dân và môi trường của “cảng thị Óc Eo” thời cổ đại.

Các phát hiện trong quá trình nghiên cứu gần đây nêu trên đã góp phần phác họa về một bức tranh khu di tích Óc Eo - Ba Thê dần rõ nét hơn trước đây với tính chất của một đô thị cổ, được vận hành bằng kinh tế nông nghiệp với các sản vật lúa gạo, bầu bí, các cây họ đậu và cả

thương nghiệp với nhiều khu vực khác nhau thời đó, bên cạnh vai trò của một điểm hội tụ quan trọng trong các tuyến hải trình của thương mại biển Đông - Tây diễn ra sôi động ở khu vực Đông Nam Á vào những thế kỷ đầu Công nguyên.

4. Thay lời kết

Các cuộc khai quật trong Đề án “*Nghiên cứu khu di tích Óc Eo – Ba Thê, Nền Chùa (văn hóa Óc Eo Nam Bộ)*” đã góp phần làm rõ hơn diện mạo của khu kiến trúc tôn giáo nơi sườn núi Ba Thê. Qua đó, có thể thấy bên dưới chùa Linh Sơn hiện đại là kiến trúc trung tâm của cả khu vực (đền thờ chính), phía đông nơi di tích Gò Sáu Thuận là hệ thống kiến trúc công dẫn vào di tích với các giai đoạn khác nhau: giai đoạn sớm (khoảng thế kỷ VII), giai đoạn chuyển tiếp (thế kỷ VIII) và giai đoạn muộn (từ thế kỷ IX - XII) khu công qua các giai đoạn có sự tái thiết và thay đổi mô hình từ dạng “nhà dài” hình chữ nhật đơn giản trở thành các “nhóm bộ ba” và hệ thống đường dẫn, trải qua nhiều lần sửa chữa và tái sử dụng trong thời gian dài.

Ở cánh đồng Óc Eo, cuộc khai quật Lung Lớn đã đem lại nhiều tư liệu cho thấy tính chất của một khu cư trú ven bờ kênh và đó cũng là thủy lộ quan trọng kết nối với thế giới bên ngoài qua hàng loạt vết tích liên quan đến hoạt động cư trú, buôn bán nơi vùng sông nước như: di tồn cột gỗ nhà sàn, mái chèo, các vật phẩm đến từ phương xa. Đồng thời, với số lượng rất lớn hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific tìm thấy ở Lung Lớn và kết quả khai quật ở Gò Óc Eo gần đó đã cho thấy nhiều khả năng khu vực này từng là nơi sản xuất, chế tác hạt chuỗi (Gò Óc Eo) và cũng là điểm tập kết ven bờ kênh (Lung Lớn) của loại sản phẩm trang sức độc đáo này trước khi trao đổi - mua bán với các thương nhân phương xa.

Trong thời gian tới, các kết quả địa chất và phân tích tảo học sẽ góp phần nhận diện về ảnh hưởng của việc nhiễm mặn đồng bằng châu thổ sông Cửu Long do mực nước biển dâng cao thời bấy giờ. Phải chăng đây cũng là lý do khiến nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa tại cảng thị Óc Eo bị sụp đổ do nhiễm mặn từ chính hệ thống kênh đào từng có vai trò đặc lực trong hoạt động giao thông và thương mại trên biển trong suốt vài trăm năm trước đó?

Trong thời gian tới, khi công việc chỉnh lý tư liệu khai quật và phân tích các loại mẫu được tiến hành sẽ góp phần đem lại nhiều nhận thức mới và rõ nét hơn về đời sống vật chất và tinh thần cũng như cảnh quan môi trường cổ của vùng đất Óc Eo - Ba Thê, qua đó giúp các thế hệ sau này hiểu rõ hơn nỗ lực của các cộng đồng cư dân cổ trong quá trình thích ứng và chinh phục vùng đất Nam Bộ trong quá khứ. Các kết quả mới từ Đề án này sẽ lần lượt giới thiệu một cách chi tiết hơn trong những bài nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU DẪN

- BÙI CHÍ HOÀNG 2012. *Báo cáo khai quật di tích Gò Út Trạnh*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
- BÙI CHÍ HOÀNG, NGUYỄN QUỐC MẠNH, LÊ HOÀNG PHONG 2018. *Khảo cổ học Nam Bộ thời sơ sử*. Nxb. KHXH, Hà Nội.
- LÊ XUÂN DIỆM, ĐÀO LINH CÔN, VÕ SĨ KHẢI 1995. *Văn hóa Óc Eo - những khám phá mới*. Nxb. KHXH, Hà Nội.
- LÊ XUÂN THUYỀN 2005. Áp dụng các phương pháp phân tích địa chất môi trường để xác định lòng kênh cổ thuộc văn hóa Óc Eo. Trong *Khảo cổ học*, số 4 (136).

- MANGUIN P. Y. 1998. *Báo cáo sơ bộ chương trình khảo cổ hợp tác Pháp - Việt năm 1998*. Bản dịch tiếng Việt. Tài liệu chương trình hợp tác Việt - Pháp.
- MANGUIN P. Y. 2001. *Báo cáo sơ bộ chương trình khảo cổ hợp tác Pháp - Việt năm 2001*. Bản dịch tiếng Việt. Tài liệu chương trình hợp tác Việt - Pháp.
- MANGUIN P. Y. 2002. *Báo cáo sơ bộ chương trình khảo cổ hợp tác Pháp - Việt năm 2002*. Bản dịch tiếng Việt. Tài liệu chương trình hợp tác Việt - Pháp.
- WEIWEI WANG, HSIAO-CHUN HUNG, NGUYỄN KHÁNH TRUNG KIÊN 2019. *A preliminary report of starch study on grinding stone tools from the Oc Eo cultural sites*. (Báo cáo sơ bộ kết quả nghiên cứu dụng cụ nghiền trong văn hóa Óc Eo bằng phương pháp tinh bột). Tài liệu chương trình hợp tác giữa Trung tâm Khảo cổ học và Đại học Quốc gia Úc.

NEW RESEARCH RESULTS FROM THE AREA OF ÓC EO - BA THÊ SITES (AN GIANG PROVINCE)

NGUYỄN KHÁNH TRUNG KIÊN

In the stage from 2017 to 2020, the Centre for Archaeology, of the Institutes of Social Sciences in Southern Việt Nam conducted an excavation at the sites in Ba Thê mountainous area and the Óc Eo field (An Giang) such as Gò Sáu Thuận, Gò Giồng Cát, Lung Lớn and Gò Út Trạnh. The results of the excavation and research have led to some new perceptions:

The excavations at the sites of the Gò Sáu Thuận religious settlement - architecture area in the Ba Thê mountainous area. As a result, it is possible to identify an architectural centre of the whole area under Linh Sơn pagoda (the main temple); the eastern side of the Gò Sáu Thuận site contains a system of the entrance architecture leading into the site with varied stages: the early stage (about the seventh century), the transitional stage (the eighth century) and the late stage (the ninth - the twelfth century).

The Gò Út Trạnh site is a religious architectural one from around the sixth - seventh century (stone and foundation architecture) and the later period, from around the eighth to ninth century, with constructions in the periphery.

The Gò Giồng Cát site is also an architectural one containing religious factors with building materials of brick, stone and wood in combination; from the preliminary analysis, the unearthed relics are relatively dated to the fourth - the sixth century.

In the area of the Óc Eo field, the excavation at the Lung Lớn site has resulted in a lot of data demonstrating that it was a settlement site at a canal, with a commercial function of the Óc Eo "ancient city port".

Apart from the archaeological excavation, the samples have been analyzed by many different methods, contributing to the study of the paleo-environment in the "ancient Óc Eo city" and to the physiognomical recovery of the Óc Eo archaeological sites.